

Số: 214/2026/QĐST-HNGĐ

K, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 348/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Nguyễn L - sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn ĐT3, xã D, tỉnh K.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị Trúc N - sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn ĐT3, xã DL, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Nguyễn L và bà Võ Thị Trúc N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Trần Nguyễn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Võ Quốc Th - sinh ngày 06/3/2010. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Võ Thị Trúc N. Đối với con chung Trần Võ Nguyên B – sinh ngày 10/6/2008 đã trưởng thành và khỏe mạnh, ông L, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông L, bà N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần Nguyễn L, bà Võ Thị Trúc N, mỗi người nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông L tự nguyện nộp thay tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà N nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001524 ngày 21/9/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh K. Ông L, bà N đã nộp đủ án phí. Hoàn lại cho ông Trần Nguyễn L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- THADS tỉnh K;
- VKSND khu vực 3 – K;
- UBND xã DL (trước là UBND xã DĐ) - GCNKH số 11 ngày 15/5/2008;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thái B N